



CHUẨN NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT CẤP TIỂU HỌC DÀNH CHO HỌC SINH VIỆT NAM HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA

PGS.TS. NGUYỄN THỊ HẠNH

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Để án *Đổi mới Chương trình và Sách giáo khoa giáo dục phổ thông* chủ trương biên soạn chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học dành cho học sinh (HS) Việt Nam học tại các trường nước ngoài ở Việt Nam theo định hướng phát triển năng lực. Trong chương trình theo định hướng năng lực thì Chuẩn có vai trò quan trọng vì nó là cơ sở để xác định nội dung, đánh giá kết quả giáo dục, đồng thời xác định phương pháp dạy học của môn học. Chuẩn của chương trình có hai loại: Chuẩn nội dung và Chuẩn thực hiện. Chuẩn nội dung có chức năng xác định các nội dung ở từng lớp học và phạm vi của từng nội dung đó. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày Chuẩn nội dung của chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học được biên soạn theo chủ trương của đề án này.

II. Chuẩn nội dung chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học dành cho HS Việt Nam học tại các trường nước ngoài ở nước ta

1. Đọc và xem

1.1. Lớp 1

1.1.1. Tài liệu đọc và xem

- Văn bản in dùng để đọc có các chủ điểm: *bản thân HS, gia đình, trường học, thiên nhiên đất nước, vui chơi giải trí, cuộc sống quanh ta*. Những văn bản này được phân bố ở 2 loại hư cấu và phi hư cấu với tỉ lệ: 50% và 50%. Văn bản hư cấu gồm các câu chuyện, bài thơ ngắn phù hợp với lứa tuổi.

- Tài liệu truyền thông đa phương tiện có cùng các chủ điểm với văn bản in, dạng tài liệu bao gồm sách khổ to có hình minh họa, áp phích hoặc pa nô thông báo bằng chữ và bằng hình.

1.1.2. *Làm quen với văn bản in liên tục và văn bản in không liên tục, tài liệu đa phương tiện*: Sách và cấu tạo của cuốn sách: bìa và tên sách, ruột sách và các trang sách, dòng chữ; Đọc sách: từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. Cách cầm sách và khoảng cách mắt với sách; Cách xem chữ kết nối với xem hình.

1.1.3. *Đọc chữ cái, dấu thanh, vần, tiếng*: Đọc chữ cái và tổ hợp chữ cái ghi âm; Đọc tổ hợp chữ cái ghi vần; Ghép tiếng từ các bộ phận âm đầu, vần, thanh điệu và đọc tiếng.

1.1.4. *Đọc trơn từ, câu, đoạn*: Nhận diện và đọc đúng từ; Nhận diện và đọc trơn câu; Nhận diện và đọc trơn đoạn.

1.1.5. *Đọc hiểu*: Đặt và trả lời câu hỏi về những chi

tiết chính trong văn bản thông tin, trong câu chuyện; Thuật lại câu chuyện bằng những chi tiết chính; Dùng chi tiết chính để mô tả sự kiện trong văn bản thông tin, mô tả nhân vật hoặc hoàn cảnh trong câu chuyện.

1.2. Lớp 2

1.2.1. Tài liệu đọc và xem

- Văn bản in dùng để đọc có các chủ điểm: *bản thân HS, gia đình, trường học, thiên nhiên đất nước, vui chơi giải trí, danh nhân, hoạt động của trẻ em ở cộng đồng*. Những văn bản này được phân bố ở 2 loại: hư cấu và phi hư cấu với tỉ lệ 50% và 50%. Văn bản hư cấu gồm các bài văn miêu tả, câu chuyện ngắn, bài thơ ngắn phù hợp với lứa tuổi.

- Tài liệu truyền thông đa phương tiện có cùng các chủ điểm với văn bản in, dạng tài liệu bao gồm áp phích hoặc pa nô, tờ rơi, bài trình bày của HS, thông báo bằng chữ và bằng hình.

1.2.2. Đọc trơn từ, câu, đoạn

Đọc các từ chứa vần khó ít dùng; Đọc các từ mới; Đọc câu có ngắt hơi giữa câu; Đọc câu có nhấn giọng ở chi tiết, thông tin quan trọng trong văn bản thông tin; Đọc văn bản thông tin chính xác và lưu loát; Đọc câu đối thoại trong các câu chuyện; Đọc đoạn thơ, văn có ngắt hơi, ngắt nhịp, lưu loát.

1.2.3. Đọc hiểu

a) *Văn bản thông tin*: Đặt và trả lời câu hỏi về nhân vật, sự vật, thời gian, địa điểm để tìm những thông tin chính; Nhận diện các đoạn và ý chính của đoạn; Nhận diện mối liên hệ giữa một số chi tiết/sự kiện; Hiểu các sơ đồ, hình ảnh minh họa đơn giản trong văn bản; Sử dụng chú thích, chữ in đậm, logo để tìm thông tin trong văn bản; Nhận ra một số điểm giống nhau được nêu ở hai văn bản cùng chủ điểm.

b) Văn bản văn học

Đặt và trả lời câu hỏi về nhân vật, sự vật, thời gian, địa điểm để nhận biết chi tiết chính; Đọc và kể lại những câu chuyện dân gian, câu chuyện trong các truyện ngắn viết cho thiếu nhi. Xác định bài học rút ra từ câu chuyện; Miêu tả nhân vật, thuật lại sự việc chính trong mỗi câu chuyện đã đọc; Nếu nhận xét về nhân vật hoặc sự việc trong câu chuyện; Nếu thông điệp chính của một bài thơ ngắn và nêu những ý thơ minh thích trong bài thơ.

1.3. Lớp 3

1.3.1. Tài liệu đọc và xem

- Văn bản in dùng để đọc có các chủ điểm: *bản*

thân HS, người thân, thiên nhiên đất nước, học tập, vui chơi giải trí, danh nhân, nét đẹp văn hóa Việt Nam, hoạt động của trẻ em ở cộng đồng. Những văn bản này được phân bố ở 2 loại: hư cấu và phi hư cấu với tỉ lệ 50% và 50%. Văn bản hư cấu gồm các bài văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ, kịch bản ngắn phù hợp với lứa tuổi.

- Tài liệu truyền thông đa phương tiện có cùng các chủ điểm với văn bản in, dạng tài liệu bao gồm áp phích hoặc pa nô, tờ rơi, quảng cáo, bài trình bày của HS, thông báo bằng chữ và bằng hình, trang tin điện tử cho trẻ em.

1.3.2. Đọc trơn từ, câu, đoạn

- Đọc các từ mới; Đọc câu có ngắt hơi giữa câu; Đọc câu có nhấn giọng ở chi tiết, thông tin quan trọng trong văn bản thông tin; Đọc văn bản thông tin về lịch sử, văn hóa, khoa học chính xác và lưu loát; Đọc câu đối thoại trong các câu chuyện; Đọc đoạn thơ, văn có ngắt hơi, ngắt nhịp, lưu loát biểu cảm.

1.3.3. Đọc hiểu

a) *Văn bản thông tin*: Đặt và trả lời câu hỏi nhằm nhấn mạnh một chi tiết, sự kiện; Nhận diện mối quan hệ giữa chi tiết và ý chính trong đoạn, trong văn bản; Hiểu các sơ đồ, hình ảnh minh họa trong văn bản; Nhận diện ý chính của văn bản; Sử dụng từ khóa để tìm thông tin trong các văn bản cùng chủ đề trên tài liệu điện tử; Nhận ra một số điểm giống nhau được nêu ở hai văn bản cùng chủ điểm để viết về một chủ điểm.

b) *Văn bản văn học*: Đặt và trả lời câu hỏi nhằm nhấn mạnh chi tiết trong văn bản hoặc sự hiểu biết của cá nhân về văn bản; Đọc và kể lại những câu chuyện dân gian, câu chuyện trong các truyện ngắn viết cho thiếu nhi. Xác định bài học rút ra từ câu chuyện và giải thích bài học qua các chi tiết chính; Miêu tả nhân vật, thuật sự việc chính trong mỗi câu chuyện và giải thích hành động của nhân vật; Nêu phán đoán về nhân vật, sự việc tiếp theo trong câu chuyện; Nêu thông điệp chính của một bài thơ ngắn và giải thích ý nghĩa của một hình ảnh hoặc cảm xúc nêu trong bài thơ mình thích.

1.4. Lớp 4

1.4.1. Tài liệu đọc và xem

- Văn bản in dùng để đọc có các chủ điểm: *bản thân HS, đất nước và con người Việt Nam, học tập, thể thao giải trí, nét đẹp văn hóa Việt Nam, hoạt động của trẻ em tiếp bước truyền thống dân tộc*. Những văn bản này được phân bố ở 2 loại: hư cấu và phi hư cấu với tỉ lệ 50% và 50%. Văn bản hư cấu gồm các bài văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ, kịch bản ngắn phù hợp với lứa tuổi.

- Tài liệu truyền thông đa phương tiện có cùng các chủ điểm với văn bản in, dạng tài liệu bao gồm áp phích hoặc pa nô, tờ rơi, quảng cáo, bài trình bày của HS, thông báo bằng chữ và bằng hình, trang tin điện tử cho trẻ em.

1.4.2. Đọc trơn từ, câu, đoạn

Đọc các từ mới; Đọc câu có ngữ điệu phù hợp để

nhấn mạnh thông tin; Đọc văn bản thông tin về lịch sử, văn hóa, khoa học chính xác và lưu loát; Đọc câu đối thoại trong các câu chuyện; Đọc lời thoại trong kịch bản; Đọc đoạn thơ, văn có ngắt hơi, ngắt nhịp, lưu loát biểu cảm.

1.4.3. Đọc hiểu

a) Văn bản thông tin

- Tìm các chi tiết trong văn bản để giải thích một ý chính để suy luận và đưa ra một thông tin mới;

- Tóm tắt văn bản;

- Sắp xếp các thông tin chi tiết theo những mối quan hệ : nhân - quả, đối lập;

- So sánh số liệu, sơ đồ, biểu bảng có trong văn bản;

- Biểu thị thông tin của văn bản bằng sơ đồ hoặc biểu đồ;

- Sử dụng từ khóa, để tìm thông tin trong các văn bản cùng chủ đề trên tài liệu điện tử;

- Kết hợp thông tin trong 2 văn bản cùng chủ điểm để viết về một chủ điểm.

b) Văn bản văn học

- Giải thích ý chính của câu chuyện, kịch bản, bài thơ bằng các chi tiết có trong văn bản;

- Miêu tả chi tiết về nhân vật, sự kiện trong câu chuyện dựa vào các chi tiết cụ thể trong câu chuyện;

- Tóm tắt câu chuyện;

- Nhận diện chủ đề của câu chuyện, kịch bản, bài thơ;

- Liên hệ câu chuyện, bài thơ với thực tiễn để hiểu rõ ý nghĩa phản ánh của văn thơ;

- Nêu thông điệp chính của một bài thơ ngắn và giải thích một vài nét đẹp của bài thơ.

1.5. Lớp 5

1.5.1. Tài liệu đọc và xem

- Văn bản in dùng để đọc có các chủ điểm: *bản thân HS, đất nước và con người Việt Nam, học tập, thể thao giải trí, nét đẹp văn hóa Việt Nam, hoạt động của trẻ em tiếp bước truyền thống dân tộc*. Những văn bản này được phân bố ở hai loại: hư cấu và phi hư cấu với tỉ lệ 50% và 50%. Văn bản hư cấu gồm các bài văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ, kịch bản ngắn phù hợp với lứa tuổi.

- Tài liệu truyền thông đa phương tiện có cùng các chủ điểm với văn bản in, dạng tài liệu bao gồm áp phích hoặc pa nô, tờ rơi, quảng cáo, bài trình bày của HS, thông báo bằng chữ và bằng hình, trang tin điện tử cho trẻ em.

1.5.2. *Đọc trơn từ, câu, đoạn*: Đọc các từ mới; Đọc câu có ngữ điệu phù hợp để nhấn mạnh thông tin; Đọc văn bản thông tin về lịch sử, văn hóa, khoa học chính xác và lưu loát; Đọc câu đối thoại trong các câu chuyện; Đọc lời thoại trong kịch bản; Đọc đoạn thơ, văn có ngắt hơi, ngắt nhịp, lưu loát biểu cảm.

1.5.3. Đọc hiểu

a) Văn bản thông tin

- Tìm các chi tiết trong văn bản để giải thích một ý chính, để suy luận và đưa ra một thông tin mới;



- Tóm tắt văn bản;
- Sắp xếp các thông tin chi tiết theo những mối quan hệ : vấn đề - giải pháp, nhân - quả;
- Phân tích số liệu, biểu bảng có trong văn bản để rút ra thông tin mới;
- Biểu thị thông tin của văn bản bằng sơ đồ hoặc biểu đồ;
- Nêu ý kiến khác với ý kiến của tác giả để phân tích thông tin;
- Sử dụng từ khóa, để tìm thông tin trong các văn bản cùng chủ đề trên tài liệu điện tử;
- Kết hợp thông tin trong nhiều văn bản cùng chủ đề để viết về một chủ đề.

b) Văn bản văn học

- Giải thích ý chính của câu chuyện, kịch bản, bài thơ bằng các chi tiết có trong văn bản;
- So sánh, đối chiếu hai nhân vật hoặc hai sự kiện trong câu chuyện;
- Giải thích nhân vật, sự kiện trong văn bản bằng quan điểm của tác giả;
- Tóm tắt câu chuyện;
- Liên hệ câu chuyện, bài thơ với thực tiễn để giải quyết một vấn đề tương tự trong thực tiễn;
- Nêu thông điệp chính của một bài thơ ngắn và giải thích một vài nét đẹp của bài thơ.

2. Viết và trình bày

2.1. Lớp 1

- *Tập viết chữ:* Viết chữ cái, tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần; Viết dấu thanh; Viết từ (từ đơn và từ phức) chứa các âm, vần mới học.

- *Viết chính tả:* Viết từ theo đúng quy tắc chính tả của hệ thống chữ quốc ngữ: c/k/qu, d/gi, g/gh, ng/ngh; Chép một đoạn văn bằng nhìn – viết và nghe – viết với các quy tắc về viết dấu câu, viết chữ hoa.

- *Viết văn bản:* Viết câu trả lời câu hỏi; Viết một số câu nêu ý kiến đơn giản; Viết một số câu giải thích thông tin đơn giản; Viết đoạn ngắn thuật việc theo trình tự thời gian.

2.2. Lớp 2

- *Tập viết chữ:* Viết chữ hoa; Viết từ và câu có chữ hoa.

- *Viết chính tả:* Viết từ có vần khó ít dùng theo đúng quy tắc chính tả; Viết hoa tên người và tên địa lí Việt Nam; Viết từ có hiện tượng dễ lẫn do phát âm phương ngữ; Chép một đoạn văn bằng nhìn – viết và nghe – viết với các quy tắc về viết dấu câu, viết chữ hoa.

- *Viết văn bản:* Viết theo gợi ý đoạn văn ngắn giải thích một ý kiến, hoặc cung cấp các dẫn chứng cho một ý kiến; Viết đoạn thuật việc theo gợi ý bao gồm các chi tiết xếp theo thời gian và những suy nghĩ, cảm xúc.

- *Trình bày bài viết:* Sắp xếp ý của đoạn viết về một chủ đề theo gợi ý; Tự sửa đoạn viết theo gợi ý; Cùng nhóm, viết về một số hoạt động của nhóm trong học tập, trải nghiệm theo gợi ý; Viết tin nhắn theo mẫu; Viết đơn theo mẫu; Viết thời gian biểu thực hiện hoạt

động đơn giản.

2.3. Lớp 3

- *Viết chính tả:* Viết hoa tên người và tên địa lí Việt Nam; Viết từ có hiện tượng dễ lẫn do phát âm phương ngữ; Chép một đoạn văn bằng nghe – viết với các quy tắc về viết dấu câu, viết chữ hoa.

- *Viết văn bản:* Viết theo gợi ý đoạn nêu ý kiến về một vấn đề và giải thích ý kiến, có sử dụng hình ảnh hoặc số liệu minh họa cho ý kiến; Viết đoạn tường thuật sự kiện, công việc theo gợi ý bao gồm: các chi tiết, những sự mô tả các nhân vật và hành động, những đoạn đối thoại, bộc lộ cảm xúc.

- *Trình bày bài viết:* Sắp xếp ý của đoạn viết về một chủ đề theo gợi ý; Tự sửa đoạn viết theo gợi ý; Cùng nhóm, viết và trình bày bằng hình ảnh hoặc soạn thảo bài viết trên máy tính về một số hoạt động của nhóm trong học tập, trải nghiệm theo gợi ý; Viết thư theo mẫu; Viết báo cáo theo mẫu; Trình bày tờ rơi.

2.4. Lớp 4

- *Viết từ:* Viết hoa tên người và tên địa lí nước ngoài; Viết từ có hiện tượng dễ lẫn do phát âm phương ngữ.

- *Viết văn bản:* Viết đoạn nêu ý kiến về một vấn đề và giải thích ý kiến, có sử dụng hình ảnh hoặc số liệu minh họa cho ý kiến, có đưa ra các dẫn chứng; Viết bài tường thuật, bài kể chuyện, bài miêu tả đồ vật, con vật, cây cối gắn gũi bao gồm: nhiều chi tiết, nhiều dẫn chứng, những tưởng tượng và trải nghiệm của bản thân, phép tu từ nhân hóa, so sánh.

- *Trình bày bài viết:* Lập dàn ý cho một bài viết về một chủ đề; Cùng nhóm, viết bài theo một chủ đề gồm nhiều đoạn, có kết cấu 3 phần, có sự mạch lạc và ý và sắp xếp ý. Trình bày bài viết trên máy tính với những hình ảnh và sơ đồ, biểu đồ; Tự sửa bài viết trên giấy hoặc trên máy tính.

2.5. Lớp 5

- *Viết từ:* Viết hoa tên đơn vị, tổ chức Việt Nam; Viết từ có hiện tượng dễ lẫn do phát âm phương ngữ.

- *Viết văn bản:* Viết đoạn nêu ý kiến về một vấn đề và giải thích ý kiến, có sử dụng hình ảnh hoặc số liệu minh họa cho ý kiến, có đưa ra các dẫn chứng, có kết luận; Viết bài tường thuật, bài kể chuyện, bài miêu tả cảnh, người gắn gũi bao gồm: nhiều chi tiết, nhiều dẫn chứng, những tưởng tượng và trải nghiệm của bản thân, phép tu từ nhân hóa, so sánh.

- *Trình bày bài viết:* Lập dàn ý cho một bài viết về một chủ đề; Cùng nhóm, viết bài theo một chủ đề gồm nhiều đoạn, có kết cấu 3 phần, có sự mạch lạc và ý và sắp xếp ý. Trình bày bài viết trên máy tính với những hình ảnh và sơ đồ, biểu đồ; Tự sửa bài viết trên giấy hoặc trên máy tính; Trao đổi bài viết qua mạng để hợp tác với người khác trong viết và trình bày bài hoàn chỉnh.

3. Nghe và nói

3.1. Lớp 1

3.1.1. Hiểu và hợp tác

- Tham gia vào những cuộc trò chuyện với bạn,

thấy, người thân, khách về các chủ điểm học ở lớp 1.

- Lắng nghe và đặt câu hỏi về một điều nghe chưa rõ;

- Trả lời câu hỏi của người đối thoại về chi tiết quan trọng trong chủ đề trao đổi;

- Nói và đáp lời chào, làm quen, cảm ơn, xin lỗi.

3.1.2. Trình bày hiểu biết và ý tưởng

- Nói thành câu lời mô tả người, địa điểm, sự vật, và các sự kiện với các chi tiết có liên quan, thể hiện ý tưởng và cảm xúc rõ ràng.

- Nói thành câu lời giới thiệu về bản thân và người thân, đồ vật thân quen.

3.2. Lớp 2

3.2.1. Hiểu và hợp tác

- Tham gia vào những cuộc trò chuyện với bạn, thầy, người thân, khách về các chủ điểm học ở lớp 2;

- Lắng nghe và đặt câu hỏi yêu cầu làm rõ hoặc giải thích về một điều đã nghe;

- Hỏi và trả lời câu hỏi của người đối thoại để giải thích chi tiết quan trọng trong chủ đề trao đổi hoặc để thu thập thêm thông tin;

- Nói và đáp lời khen, lời chúc mừng, lời chia vui, lời chia buồn.

3.2.2. Trình bày hiểu biết và ý tưởng

- Kể lại câu chuyện, thuật lại việc thành câu bao gồm: những sự kiện, những dẫn chứng, những cảm xúc rõ ràng, phù hợp;

- Nói thành câu, thành đoạn ngắn ý kiến nhận xét về người thân, về việc làm của người thân, về đồ vật thân quen.

3.3. Lớp 3

3.3.1. Hiểu và hợp tác

- Tham gia vào những cuộc thảo luận với bạn, thầy, người thân, khách về các chủ điểm học ở lớp 3;

- Lắng nghe và đặt câu hỏi kiểm tra một ý kiến hoặc chi tiết được trình bày;

- Hỏi và trả lời câu hỏi để cung cấp thêm thông tin cho ý kiến của người trình bày;

- Nói lời phản hồi tích cực ý kiến người khác.

3.3.2. Trình bày hiểu biết và ý tưởng

- Kể lại câu chuyện, thuật lại việc thành câu, thành đoạn bao gồm: những sự kiện, những dẫn chứng, những cảm xúc rõ ràng, phù hợp, sử dụng hình ảnh hoặc tài liệu đa phương tiện để dẫn chứng và làm sâu sắc lời nói.

- Nói lời chú thích hoặc lời nhấn mạnh thông tin.

3.4. Lớp 4

3.4.1. Hiểu và hợp tác

- Tham gia vào những cuộc thảo luận của nhóm, của lớp, của số đông về các chủ điểm học ở lớp 4;

- Lắng nghe và đặt câu hỏi để liên kết ý kiến của nhiều người;

- Hỏi và trả lời câu hỏi để diễn giải hoặc giải thích thông tin, mối quan hệ giữa các thông tin;

- Nói lời tán thành và phản bác ý kiến người khác.

3.4.2. Trình bày hiểu biết và ý tưởng

- Kể lại một câu chuyện, báo cáo một vấn đề

thành nhiều đoạn, có dùng dẫn chứng thực tế, hình ảnh, thông tin ở tài liệu khác nhau để thuyết phục trong các tình huống giao tiếp chính thức và giao tiếp không chính thức.

3.5. Lớp 5

3.5.1. Hiểu và hợp tác

- Tham gia vào những cuộc thảo luận của nhóm, của lớp, của số đông về các chủ điểm học ở lớp 5;

- Lắng nghe và đặt câu hỏi để liên kết ý kiến của nhiều người;

- Hỏi và trả lời câu hỏi để đưa ra kết luận cho bài trình bày;

- Tóm tắt một vài ý kiến trao đổi quan trọng.

3.5.2. Trình bày hiểu biết và ý tưởng

- Báo cáo một vấn đề thành nhiều đoạn, có dùng dẫn chứng thực tế, hình ảnh, thông tin ở tài liệu khác nhau để thuyết phục trong các tình huống giao tiếp chính thức và giao tiếp không chính thức.

4. Kiến thức tiếng Việt và văn học (không soạn thành bài riêng, tích hợp vào các bài soạn về Đọc và Xem, Viết và Trình bày, Nghe và Nói)

4.1. Lớp 1

- **Ngữ âm và chữ viết:** Âm và chữ; Quan hệ giữa âm và chữ; Các chữ cái và tổ hợp chữ cái Việt; Cấu tạo của vần và tiếng; Quy tắc chính tả: c/k/qu, g/gh, ng/ngh.

- **Từ vựng:** Vốn từ thuộc các chủ điểm: bản thân HS, gia đình, trường học, thiên nhiên đất nước, vui chơi giải trí, cuộc sống quanh ta; Đọc và viết từ nhiều tiếng.

- **Ngữ pháp:** Nhận diện câu trong lời nói, văn bản; Nhận diện câu kể và câu hỏi trong lời nói, văn bản. Dấu chấm, dấu chấm hỏi.

- **Văn bản, văn hóa giao tiếp:** Nhận diện đoạn và bài; Cách chào hỏi, làm quen, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi; Lắng nghe trong trò chuyện.

- **Văn học:** Câu chuyện, nhân vật, chi tiết; Bài thơ, văn và nhịp thơ.

4.2. Lớp 2

- **Ngữ âm và chữ viết:** Bảng chữ cái; Chữ hoa và quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam; Cấu tạo một số vần khó ít dùng; Viết đúng các từ dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm phương ngữ.

- **Từ vựng:** Vốn từ thuộc các chủ điểm: bản thân HS, gia đình, trường học, thiên nhiên đất nước, vui chơi giải trí, danh nhân, hoạt động của trẻ em ở cộng đồng. Giải nghĩa từ; Từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động, chỉ tính chất.

- **Ngữ pháp:** Nhận diện câu kể, câu hỏi, câu khiến; Dùng dấu câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy; Dùng câu để giới thiệu, thuật việc, miêu tả có các mô hình Ai là gì?, Ai làm gì?, Ai thế nào? Bộ phận câu trả lời câu hỏi Khi nào, Vì sao? Để làm gì?, Ở đâu?

- **Văn bản, văn hóa giao tiếp:** Nhận diện đoạn và bài; Mẫu tin nhắn, đơn đơn giản, một số biểu thời gian (thời khóa biểu, thời gian biểu, lịch làm việc); Lắng nghe trong trò chuyện, thảo luận; Cách nói và đáp: lời

khen, lời chúc mừng, lời chia vui, lời chia buồn; Cách trình bày bài viết.

- *Văn học*: Câu chuyện, nhân vật, chi tiết, lời đối thoại; Đoạn tường thuật; Bài thơ, văn và nhịp thơ.

4.3. Lớp 3

- *Ngữ âm và chữ viết*: Chữ hoa và quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam; Viết đúng các từ dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm phương ngữ.

- *Từ vựng*: Vốn từ thuộc các chủ điểm: *bản thân HS, người thân, thiên nhiên đất nước, học tập, vui chơi giải trí, danh nhân, nét đẹp văn hóa Việt Nam, hoạt động của trẻ em ở cộng đồng*; Giải nghĩa từ; Từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động, chỉ tính chất; Biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa.

- *Ngữ pháp*:

+ Dùng dấu câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép;

+ Dùng câu để giới thiệu, thuật việc, miêu tả có các mô hình *Ai là gì?, Ai làm gì?, Ai thế nào?*

+ Bộ phận câu trả lời câu hỏi *Thế nào, Bằng gì?*

- *Văn bản, văn hóa giao tiếp*:

Nhận diện đoạn và bài; Mẫu thư, báo cáo, tờ rơi; Lắng nghe trong trò chuyện, thảo luận; Cách nói lời phản hồi tích cực ý kiến người khác; Cách trình bày bài viết trên giấy, trên máy tính.

- *Văn học*: Câu chuyện, nhân vật, hành động, chi tiết, lời đối thoại; Bài thơ, văn và nhịp thơ; Đoạn tường thuật.

4.4. Lớp 4

- *Ngữ âm và chữ viết*: Chữ hoa và quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài; Viết đúng các từ dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm phương ngữ.

- *Từ vựng*: Vốn từ thuộc các chủ điểm: *bản thân HS, đất nước và con người Việt Nam, học tập, thể thao giải trí, nét đẹp văn hóa Việt Nam, hoạt động của trẻ em tiếp bước truyền thống dân tộc*; Giải nghĩa từ; Cấu tạo của từ đơn, từ phức lấy và từ phức ghép; Cách dùng từ lấy và từ ghép; Danh từ, động từ, tính từ; Biện pháp tu từ ẩn dụ.

- *Ngữ pháp*: Cách dùng dấu câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép; Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; Bộ phận câu: chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ.

- *Văn bản, văn hóa giao tiếp*: Nhận diện đoạn và bài; Cấu tạo 3 phần của văn bản; Văn bản kể chuyện; Văn bản miêu tả; Cách trình bày bài viết trên giấy, trên máy tính; Lắng nghe trong trò chuyện, thảo luận; Cách nói lời tán thành, phản bác.

- *Văn học*: Câu chuyện, nhân vật, hành động, chi tiết, lời đối thoại, cảm xúc và tưởng tượng trong kể chuyện; Bài văn miêu tả và từ ngữ tạo hình, biểu cảm trong bài miêu tả; Bài tường thuật; Bài thơ, nét đẹp về ngôn từ, hình ảnh, ý nghĩa trong thơ.

4.5. Lớp 5

- *Ngữ âm và chữ viết*: Chữ hoa và quy tắc viết hoa

tên người, tên đơn vị, tổ chức; Viết đúng các từ dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm phương ngữ.

- *Từ vựng*: Vốn từ thuộc các chủ điểm: *bản thân HS, đất nước và con người Việt Nam, học tập, thể thao giải trí, nét đẹp văn hóa Việt Nam, hoạt động của trẻ em tiếp bước truyền thống dân tộc*; Giải nghĩa từ; Đại từ, quan hệ từ.

- *Ngữ pháp*: Cách dùng dấu chấm phẩy; Câu ghép dùng quan hệ từ, dấu câu nối vế; Liên kết câu trong đoạn.

- *Văn bản, văn hóa giao tiếp*: Văn bản miêu tả; Cách trình bày bài viết trên giấy, trên máy tính; Lắng nghe trong trò chuyện, thảo luận; Cách nói lời SUMMARY ý kiến.

- *Văn học*: Câu chuyện, nhân vật, hành động, chi tiết, lời đối thoại, cảm xúc và tưởng tượng trong kể chuyện; Bài văn miêu tả và từ ngữ tạo hình, biểu cảm trong bài miêu tả; Bài tường thuật; Bài thơ, nét đẹp về ngôn từ, hình ảnh, ý nghĩa trong thơ.

III. Kết luận

Chuẩn nội dung này sau khi được phê duyệt sẽ là cơ sở để biên soạn tài liệu dạy học cho HS và GV. Chuẩn nội dung này cũng sẽ là cơ sở để biên soạn các công cụ đánh giá kết quả học tập của HS và quản lí chất lượng dạy học môn học Tiếng Việt dành cho HS Việt Nam học tại các trường nước ngoài ở nước ta trong giai đoạn sau năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Chương trình môn cấp Tiểu học* (trong đó có chương trình môn Tiếng Việt), Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2006.
- [2]. *Chương trình tiểu học, Tổ chức tú tài quốc tế (IBO)*, 2001.
- [3]. *Chương trình nhà trường môn Tiếng Việt của trường Hanoi International School*, 2014.
- [4]. *Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực HS*, Tài liệu Hội thảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hà Nội, 12/2014.

SUMMARY

This paper touches upon content standard of Vietnamese subject at international primary schools in Vietnam. According to the author, standard plays an important role in the competency-based curriculum as it is background to identify educational content and outcome evaluation; to clarify teaching methods as well. Two types of curriculum standards: standards of content and implementation. Standard of content will determine content of different grades and scope of contents, being the base for compiling tool of assessing student outcomes and managing Vietnamese teaching quality for Vietnamese pupils at international schools in Vietnam after 2015.

Keywords: *standard of content, standard, curriculum, international schools, primary education.*